

Bào chế và đánh giá chất lượng sirô không đường Lục vị

Huỳnh Lôi¹, Nguyễn Hải Tân², Vũ Thị Minh Tuyên³, Trần Diễm Hương⁴,
Nguyễn Thị Thanh Hương Lan⁴, Dương Hồng Nghi^{4*}

¹Bộ Môn Dược liệu – Thực vật, Khoa Dược, Trường Đại Học Quốc tế Hồng Bàng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Khoa Khoa Học Sức Khỏe, Trường Đại học Công Nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

³Bệnh Viện Sản Nhi Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

⁴Viện Đào tạo và Nghiên cứu Dược học, Trường Đại học Bình Dương, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

*huynhloivn@gmail.com

Tóm tắt

Bài thuốc cổ phương Lục vị Địa hoàng hoàn được sử dụng rộng rãi trong y học cổ truyền để bổ thận âm và điều trị các chứng âm hư. Nghiên cứu nhằm bào chế sirô không đường từ bài thuốc này nhằm nâng cao tính tiện dụng, đặc biệt đối với người cao tuổi, trẻ em và bệnh nhân đái tháo đường hoặc rối loạn chuyển hóa. Các dược liệu gồm Thục địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Sơn thù, Phục linh, Trạch tả và Cỏ ngọt được kiểm tra chất lượng về cảm quan và độ ẩm trước khi chiết xuất. Dược liệu được sắc ba lần với nước, cô đặc và bổ sung chất bảo quản để tạo sirô. Chế phẩm được đánh giá các chỉ tiêu chất lượng gồm cảm quan, pH, tỷ trọng, định tính, hàm lượng flavonoid, cân sau bay hơi và giới hạn nhiễm khuẩn. Kết quả cho thấy sirô đạt tỷ trọng 1,1035, pH = 4,12, hàm lượng flavonoid 0,8202 % và đáp ứng các yêu cầu chất lượng theo Dược điển Việt Nam V. Chế phẩm được đóng gói trong chai thủy tinh 100 mL theo quy định hiện hành. Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho việc phát triển dạng bào chế sirô không đường từ bài thuốc Lục vị Địa hoàng hoàn, góp phần mở rộng khả năng ứng dụng trong chăm sóc sức khỏe.

Nhận 25/12/2025

Được duyệt 15/01/2026

Công bố 28/07/2026

Từ khóa

Lục vị;
lục vị Địa hoàng hoàn;
sirô; bào chế; đánh giá
chất lượng.

© 2026 Journal of Science and Technology - NTTU

1 Đặt vấn đề

Bài thuốc Lục vị hoàn, hay còn gọi là Lục vị Địa hoàng hoàn (Rehmannia Six Formula, Six-Ingredient Pill with Rehmannia, Liu Wei Di Huang Wan – 六味地黄丸), được ghi trong sách Tiêu nhi dược chứng chân quyết (Xiao Er Yao Zheng Zhi Jue, 小儿药证直诀) của Tiền Ất (钱乙, Qian Yi) đời Tống (1035-1117). Bài thuốc được danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác đưa vào bộ sách Hải Thượng Y Tông

Tâm Lĩnh, trở thành một bài thuốc căn bản của Đông y để bổ thận âm, chữa các chứng âm hư, chóng mặt, ù tai, đổ mồ hôi đêm, bốc hỏa [1, 2]. Trong y học hiện đại, bài thuốc này thường được sử dụng để điều trị bệnh tiểu đường, tiền tiểu đường và những người mắc hội chứng chuyển hóa. Công thức Lục vị cổ điển ban đầu bao gồm rễ đã qua chế biến của Sinh địa (*Rehmannia glutinosa*), thân rễ Hoài sơn (*Dioscorea persimilis*), quả Sơn thù (*Cornus officinalis*), nấm Phục linh (*Poria cocos*), thân rễ Trạch tả (*Alisma plantago-aquatica*) và vỏ cây Mẫu đơn (*Paeonia*

<https://doi.org/10.55401/zf7s3a98>



Đại học Nguyễn Tất Thành

suffruticosa) với lệ cổ định (8:4:4:3:3). Trên cơ sở công thức cổ điển này, các loại thảo mộc khác có thể được thêm vào để tối ưu hóa hiệu quả cho từng trường hợp cụ thể. Ngoài ra, số lượng các loại thảo mộc riêng lẻ được sử dụng trong công thức có thể thay đổi. Những biến thể như vậy phù hợp với bản chất cá nhân hóa của y học Trung Quốc, trong đó một công thức thảo dược có thể được thiết kế và điều chỉnh đặc biệt để có hiệu quả tối ưu cho một cá nhân cụ thể [2]. Tại Việt Nam, ước tính có khoảng 7 triệu người đang mắc tiểu đường. Theo WHO, tỷ lệ người trưởng thành, (18-69) tuổi, mắc tiểu đường là khoảng 4,1 % giai đoạn 2015, chỉ sau khoảng 10 năm, số người mắc bệnh tiểu đường ở Việt Nam “hầu như đã gấp đôi [3]. Nghiên cứu được tiến hành với mục đích chuyển dạng bào chế bài thuốc Lục vị hoàn sang sirô giúp người già và trẻ em có thể sử dụng được, đồng thời nghiên

cứu sẽ tiến hành thay chế đường bằng chất tạo ngọt tốt cho người mắc các chứng đái tháo đường, cũng như rối loạn chuyển hoá. Chế phẩm sau khi hoàn thiện sẽ được đánh giá chất lượng với các chỉ tiêu phù hợp với dạng bào chế sirô thuốc, đáp ứng được các yêu cầu của Dược điển Việt Nam V. Cuối cùng, chế phẩm được đóng gói dán nhãn theo quy định hiện hành.

2 Nguyên liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1 Nguyên liệu

Thực địa, Hoài sơn, Mẫu đơn bì, Sơn thù, Phục linh, Trạch tả, Cỏ ngọt (Hình 1) được mua ở cửa hàng dược liệu trên đường Hải Thượng Lãn Ông, Thành phố Hồ Chí Minh vào tháng 8 năm 2025. Nguyên liệu được xác định tên khoa học bằng cách so sánh đặc điểm mô tả so với tài liệu tham khảo [4].



Hình 1 Nguyên liệu

2.2 Dung môi, hóa chất

Các hóa chất được dùng trong nghiên cứu bao gồm natri benzoat (China), sắt (III) clorid (FeCl₃, China), nhôm clorid (AlCl₃, China), ethanol (Công ty Thuận Lộc Phát), quercetin (97 % tinh khiết, Njdujly).

2.3 Thiết bị, dụng cụ

Nghiên cứu sử dụng các thiết bị bao gồm cân điện tử 4 số lẻ (ONELAB – China), máy đo quang phổ UV-Vis (STECH UV754N), các dụng cụ bếp điện, nồi inox, rây và các dụng cụ thủy tinh thường dùng trong phòng thí nghiệm.

2.4 Phương pháp nghiên cứu

2.4.1 Kiểm nghiệm nguyên liệu

Các nguyên liệu được đánh giá chất lượng và đạt yêu cầu về cảm quan và độ ẩm theo Dược điển Việt Nam V. Chỉ tiêu độ ẩm được kiểm tra theo phương pháp “Xác định mất khối lượng do làm khô”, sấy 3 giờ trong tủ sấy, ở 105 °C [4].

2.4.2 Thiết lập công thức sirô không đường Lục vị

Công thức bào chế sirô không đường Lục vị được lấy từ công thức Hoàn Lục vị trong Dược điển Việt Nam V, sử dụng Cỏ ngọt làm chất tạo ngọt.

Bảng 1 Công thức sirô không đường Lục vị

STT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Bộ phận dùng rễ (radix), vỏ (cortex), thân rễ (rhizoma), phần trên mặt đất (herba)	Khối lượng (g)
1	Thục địa	<i>Rehmannia glutinosa</i> (Gaertn.)	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	480
2	Hoài sơn	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain et Burk	<i>Radix Dioscoreae persimilis</i>	240

3	Mẫu đơn bì	<i>Paeonia suffruticosa</i> Andr	<i>Cortex Paeoniae suffruticosae</i>	240
4	Sơn thù	<i>Cornus officinalis</i> Sieb. et Zucc	<i>Fructus Corni officinalis</i>	180
5	Phục linh	<i>Poria cocos</i> Wolf	<i>Poria</i>	180
6	Trạch tả	<i>Alisma plantago-aquatica</i> L. var. <i>orientale</i> Samuels	<i>Rhizoma Alismatis</i>	180
7	Cỏ ngọt	<i>Stevia rebaudiana</i>	<i>Herba Steviae</i>	75
8	Natri benzoate			1,5
Tổng khối lượng dược liệu (Không kể chất bảo quản và chất tạo ngọt)				1 500

2.4.3 Đánh giá chất lượng sirô không đường Lục vị

Sirô được đánh giá chất lượng các chỉ tiêu: Cảm quan, pH, Tỷ trọng, Mật khối lượng đo làm khô, Định tính, Định lượng, Xác định độ nhiễm khuẩn. Trong đó:

- Chỉ tiêu Cảm quan, pH, Tỷ trọng, Mật khối lượng đo làm khô thực hiện theo phương pháp được quy định tại Dược điển Việt Nam V [4].

- Chỉ tiêu Định tính được tiến hành bằng cách cô đến cặn 2 g sirô, hòa tan trong ethanol 96 %, đun nóng, lọc. Dịch lọc được định tính polyphenol bằng phản ứng với thuốc thử (TT) $AlCl_3$, $FeCl_3$; định tính tanin bằng phản ứng với gelatin, định tính alkaloid bằng TT Dragendorff [4].

- Chỉ tiêu Định lượng được xác định bằng phương pháp UV-Vis với quercetin làm chất đối chiếu. Dung dịch thử được chuẩn bị bằng cách cân chính xác 0,1 g sirô cho vào bình định mức 100 mL, điền đủ thể tích bằng nước cất, lọc. Dịch lọc được đo độ hấp thụ ở bước sóng 415 nm. Sau đó đo lại lần 2 với dịch lọc

được thêm dung dịch $AlCl_3$ 2 % (kl/tt) với tỷ lệ 1:1.

Đường chuẩn được xây dựng với các dung dịch chuẩn quercetin nồng độ lần lượt là 3,125; 6,25; 12,5; 25; và 50 g/mL, sau đó thêm dung dịch $AlCl_3$ 2 % (kl/tt) với tỷ lệ 1:1. Hàm lượng flavonoid toàn phần được tính toán dựa trên đường chuẩn vừa được xây dựng.

- Chỉ tiêu Xác định độ nhiễm khuẩn được thực hiện theo Dược điển Việt Nam V, phụ lục 13.6. Sirô đạt yêu cầu khi tổng số vi sinh vật hiếu khí không quá 10^4 CFU/mL, tổng số nấm: không quá 10^2 CFU/mL, không được có *Escherichia coli*, *Staphylococcus aureus*, *Bacillus cereus*, *Clostridium perfringens*, *Coliform* trong 1 mL, không được có *Salmonella* trong 10 mL [4].

3 Kết quả và bàn luận

3.1 Kết quả

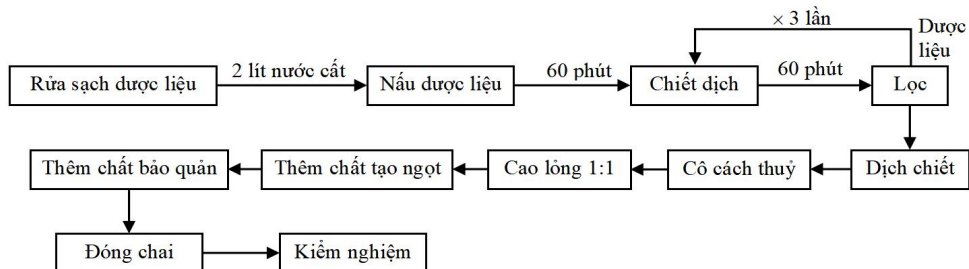
3.1.1 Kiểm nghiệm nguyên liệu

Các nguyên liệu đạt các yêu cầu về cảm quan và độ ẩm đều không quá 13 % (kl/kl).

Bảng 2 Kết quả kiểm nghiệm nguyên liệu

Dược liệu	Cảm quan	Độ ẩm trung bình (% , kl/kl)
Thục địa	Màu đen, dài (5-7) cm, có vị ngọt, đắng, mùi thơm	12,1
Hoài sơn	Màu trắng, dài (5-7) cm, có vị nhạt	8,6
Mẫu đơn bì	Màu nâu, dài (7-8) cm, có vị hơi đắng, mùi thơm đặc trưng	9,1
Sơn thù	Dài 1 cm đến 1,5 cm, mùi nhẹ, vị chua, đắng nhẹ	11,4
Phục linh	Màu trắng, hình vuông, dài khoảng 1 cm, vị ngọt	10,1
Trạch tả	Hình cầu đường kính (2-6) cm, vị hơi đắng, mùi thơm nhẹ	9,6
Cỏ ngọt	Lá kèm đoạn cành nhỏ, vị ngọt	10

3.1.2 Kết quả bào chế sirô



Hình 2 Sơ đồ bào chế sirô không đường Lục vị

Quy trình bào chế sirô không đường Lục vị được tiến hành theo các bước:

- Bước 1: cân dược liệu. Rửa sạch dược liệu. Cân 75 g cỏ ngọt (tỷ lệ 5 % so với dược liệu).
- Bước 2: cho tất cả dược liệu vào nồi, thêm nước vào ngập dược liệu (khoảng 2 L). Nấu sôi trong 60 phút, lọc qua rây inox, thu dịch chiết. Tiến hành thêm 2 lần nữa, mỗi lần 2 L.

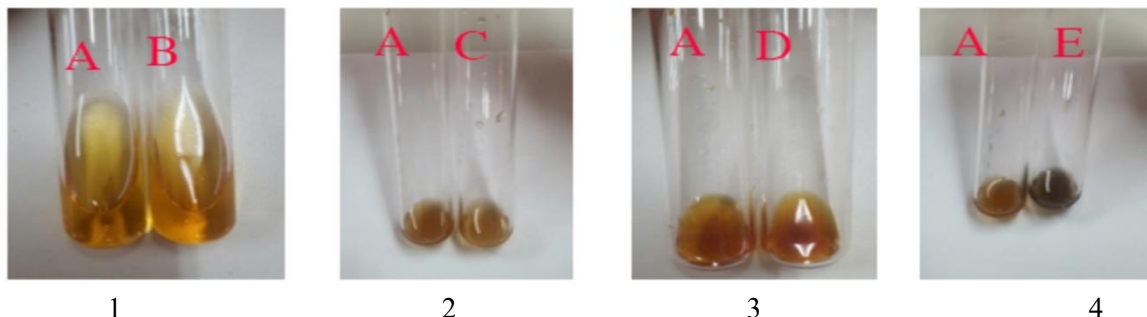
- Bước 3: gộp tất cả các dịch chiết, cô cách thủy đến khi còn 1500 mL.

- Bước 4: thêm 1,5 g natri benzoat [tương đương 0,1 % (kl/kl)]

Đóng gói trong chai thủy tinh 100 mL.

3.1.3 Kết quả đánh giá chất lượng sirô không đường Lục vị

Kết quả định tính:



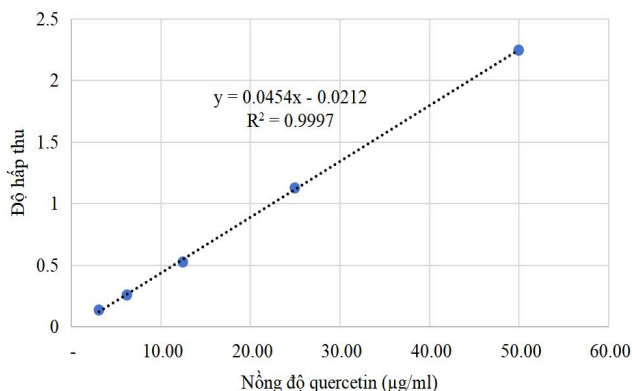
Hình 3 Kết quả định tính sirô không đường Lục vị

Ghi chú: (1): Định tính với TT AlCl₃ (2): Định tính với TT FeCl₃ (3): Định tính tanin với TT gelatin; (4).

Định tính alkaloid với TT Bouchardat

Bảng 3 Độ hấp thu của quercetin theo nồng độ tương ứng

Nồng độ quercetin (µg/mL)	3,125	6,25	12,5	25	50
Độ hấp thu của quercetin	0,135	0,257	0,525	1,126	2,245



Hình 4 Đường cong chuẩn nồng độ quercetin theo hấp thu

- Hàm lượng flavonoid (% kl/kl):

Bảng 4 Hàm lượng flavonoid trong mẫu sirô không đường Lục vị (theo quercetin)

Lần đo	Lần 1	Lần 2
Khối lượng sirô (mg)	840	841
Độ hấp thu mẫu sirô	0,164	0,166
Nồng độ mẫu sirô (µg/mL)	4,079	4,123
Hàm lượng flavonoid tính theo quercetin (%)	0,8158	0,8246
Trung bình hàm lượng flavonoid (tính theo quercetin) (%)	0,8202	

Kết quả kiểm tra chất lượng sirô không đường Lục vị được thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5 Kết quả đánh giá chất lượng sirô không đường Lục vị

Chỉ tiêu	Kết quả	
Cảm quan	Chế phẩm lỏng dùng đường uống, màu nâu có vị ngọt thanh, mùi thơm được liệu.	
pH	4,12	
Tỷ trọng	1,1035 g/mL	
Định tính	Polyphenol: có	Tanin: không có
	Alkaloid: không có (phản ứng với thuốc thử Bouchardat, không phản ứng với thuốc thử Dragendorff, Mayer)	
Cẩn sau khi bay hơi	78,6 % (kl/kl), RSD = 0,4 %	
Định lượng	0,8202 % (tính theo quercetin)	
Giới hạn nhiễm khuẩn	Tổng số vi khuẩn hiếu khí: không phát hiện vượt quá 10^4 CFU/mL	
	Tổng số nấm men và nấm mốc: không phát hiện vượt quá 10^2 CFU/mL	
	<i>Escherichia coli</i> , <i>Salmonella spp</i> , <i>Pseudomonas aeruginosa</i> , <i>Staphylococcus aureus</i> <i>Bacillus cereus</i> , <i>Clostridium perfringens</i> , Coliform: không có trong 1 ml	
	<i>Salmonella</i> : không có trong 10 mL	

3.1.4 Công dụng, liều dùng

- Công dụng: can thận âm hư gây chóng mặt, vàng đầu, đau mỏi thắt lưng đầu gối, cốt chung triệu nhiệt, đạo hãn về đêm, di tinh, tiêu khát [4].
- Liều dùng: người lớn: ngày uống 2 lần, mỗi lần 10 mL. Liều dùng được tính theo Lục vị hoàn trong Dược điển Việt Nam V.
- Lưu ý: không dùng khi bị dị ứng với thành phần trong sirô, không dùng cho phụ nữ có thai.

3.1.5 Nhãn

Dán nhãn theo quy chế thực phẩm bảo vệ sức khỏe [6].

3.2 Bàn luận

Nghiên cứu đã xây dựng được công thức và quy trình bào chế sirô không đường Lục vị, một bài thuốc cổ phương có nguồn gốc từ bài thuốc Lục vị được sử dụng trong Y học cổ truyền Trung Quốc và được Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác đưa vào sách Hải Thượng y tông tâm lĩnh. Việc chuyển dạng bào chế từ viên hoàn sang dạng sirô giúp tăng khả năng hấp thu, dễ sử dụng đối với người già, trẻ em và những bệnh nhân gặp tình trạng khó nuốt. Dạng bào chế sirô còn giúp điều chỉnh liều dùng trở nên dễ dàng hơn cùng với vị ngọt của cỏ ngọt giúp che giấu mùi vị của dược liệu. Qua đó, nghiên cứu mang đến cho người dùng thêm sự lựa chọn trong việc sử dụng bài thuốc Lục vị cổ truyền. Cỏ ngọt làm chất tạo ngọt thay đường glucose hay mật ong (trong bài thuốc Lục vị hoàn) và

natri benzoat tăng khả năng bảo quản giúp các bệnh nhân mắc các bệnh lý liên quan đến tăng đường huyết, rối loạn chuyển hóa vẫn có thể sử dụng được bài thuốc Lục vị nhưng vẫn đảm bảo được các chỉ tiêu về độ nhiễm khuẩn.

Sirô không đường Lục vị thành phẩm đáp ứng các yêu cầu chất lượng được tham khảo theo Dược điển Việt Nam V. Tỷ trọng của lớn hơn 1 cho thấy sirô có độ đặc nhất định, tương tự các chế phẩm có chiết xuất từ dược liệu khác, tuy nhiên không quá lớn như các loại sirô có sử dụng glucose hay sucrose. Cẩn sau khi bay hơi lớn (78,6 %) phù hợp với đặc trưng hàm lượng polysaccharide cao của các dược liệu như Thực địa, Hoài sơn, đều là những thành phần có hàm lượng lớn trong công thức [7]. Iridoid là thành phần chính có ở Sinh địa dễ bị phân hủy khi trong quá trình chế Thực địa, trong khi đó flavonoid là nhóm hợp chất có ở một số dược liệu như Mẫu đơn bì, Cỏ ngọt có tác dụng chống oxy hóa giúp hỗ trợ bảo vệ gan, thận, chống lão hóa phù hợp với khái niệm “bổ thận âm” [8]. Flavonoid còn giúp bảo vệ mạch máu, tăng khả năng tưới máu cho mô, nuôi dưỡng cơ thể phù hợp với vai trò “tư âm” của bài thuốc Lục vị [9]. Vì vậy, hàm lượng flavonoid trong sirô không đường Lục vị được kiểm soát bằng phương pháp đo quang, quy về quercetin. Đây là một phương pháp tin cậy, không yêu cầu hóa chất và thiết bị phức tạp. Kết quả xác định

flavonoid không cao, khoảng 0,8202 %, và pH = 4,12, phù hợp với thành phần hoạt chất có trong các dược liệu tham gia vào bài thuốc, với hàm lượng flavonoid tương đối ít, giàu các hợp chất hợp chất phenol và acid hữu cơ. Qua đó, nghiên cứu cũng đề xuất áp dụng phương pháp xác định hàm lượng này cho bài thuốc Lục vị, vốn chưa được quy định chỉ tiêu định lượng trong Dược điển Việt Nam V. Sản phẩm sau khi hoàn thiện đạt các yêu cầu về Giới hạn nhiễm khuẩn, chứng minh quy trình bào chế đề xuất đã đảm bảo được các yêu cầu về vệ sinh, phù hợp với các chế phẩm dùng làm thuốc.

4 Kết luận

Nghiên cứu bước đầu đã bào chế thành công sirô không đường Lục vị với đầy đủ thành phần có trong

bài thuốc cổ truyền, đảm bảo các yêu cầu chất lượng. Chế phẩm sau khi hoàn thiện có mùi vị dễ chịu, dạng bào chế phù hợp cho nhiều đối tượng, kể cả trẻ em, người lớn tuổi, người mắc bệnh đái tháo đường và rối loạn chuyển hoá. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn đề xuất các chỉ tiêu, phương pháp phân tích phục vụ việc đánh giá chất lượng của chế phẩm và nhằm hướng tới việc xây dựng một tiêu chuẩn chất lượng riêng cho thuốc. Trong đó, chỉ tiêu định lượng có thể được xem xét, bổ sung vào chuyên luận “Lục vị hoàn” tại Dược điển Việt Nam V.

Lời cảm ơn

Nhóm tác giả chân thành cảm ơn Dược sĩ Hà Kim Phượng, công ty Medisun, 521 An Lợi, Hòa Lợi, Bến Cát, Bình Dương đã hỗ trợ kiểm nghiệm vi sinh trong nghiên cứu này.

Tài liệu tham khảo

1. Thoại N. Đ, Huy N. M, and Lê K. M. (2021). Nghiên cứu bào chế viên nang từ bài thuốc Lục vị hoàn. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 500(2), 38-42.
2. Van Wietmarschen H. A., der Greef J. v., Schroën Y., Wang M. (2013). Evaluation of symptom, clinical chemistry and metabolomics profiles during Rehmannia six formula (R6) treatment: An integrated and personalized data analysis approach. *Journal of Ethnopharmacology*, 150(3), 851-859.
3. World Health Organization (WHO) (2015). Diabetes in Viet Nam. <https://www.who.int/vietnam/health-topics/diabetes> (truy cập ngày 08/02/2026).
4. Hội Đồng Dược Điển Việt Nam - Bộ Y tế (2017). *Dược điển Việt Nam V*. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội.
5. Mukherjee P. K. (2019). Chapter 4 - *Qualitative Analysis for Evaluation of Herbal Drugs* In: Mukherjee P. K., *Quality Control and Evaluation of Herbal Drugs*. Elsevier, pp. 79-149.
6. Bộ Y Tế. (2014.). Thông tư 43/2014/TT-BYT - Quy định về quản lý thực phẩm chức năng. <https://vanban.chinhphu.vn> (truy cập ngày 08/02/2026).
7. Ren H., Li Z., Gao R. (2022). Structural Characteristics of Rehmannia glutinosa Polysaccharides Treated Using Different Decolorization Processes and Their Antioxidant Effects in Intestinal Epithelial Cells. *Foods*, 11 (21), 10-15.
8. Xue S., Fu Y., Sun X., Chen S. (2022). Changes in the Chemical Components of Processed Rehmanniae Radix Distillate during Different Steaming Times. *Evid Based Complement Alternat Med*, 2022(1), 1-15.
9. Gajender, Mazumder A., Sharma A., Azad M. A. K. (2023). A Comprehensive Review of the Pharmacological Importance of Dietary Flavonoids as Hepatoprotective Agents. *Evid Based Complement Alternat Med*, 2023(1), 4139117.

Formulation and Evaluation of Sugar-Free Syrup Containing Extract from Medicinal Materials in *Rehmannia Six* Formula

Huynh Loi^{1*}, Nguyen Hai Tan², Vu Thi Minh Tuyen³, Tran Diem Huong⁴, Nguyen Thi Thanh Huong Lan⁴, Duong Hong Nghi⁴

¹Department of Pharmacognosy and Botany, Hong Bang International University, Ho Chi Minh City, Viet Nam.

²Department of Health Science, Industrial University of Ho Chi Minh City (IUH), Ho Chi Minh City, Viet Nam

³Ca Mau Obstetrics and Pediatrics Hospital, Ca Mau province, Viet Nam

⁴Institute of Pharmaceutical Education and Research, Binh Duong University, Ho Chi Minh City, Viet Nam.

*huynhloivn@gmail.com

Abstract *Liu Wei Di Huang Wan* (Rehmannia Six Formula) is a traditional herbal prescription widely used for nourishing kidney yin and treating yin deficiency-related disorders. This study aimed to formulate a sugar-free syrup from this prescription to improve its convenience, particularly for older adults, children, and patients with diabetes or metabolic disorders. The medicinal materials, including *Rehmannia glutinosa*, *Dioscorea persimilis*, *Paeonia suffruticosa*, *Cornus officinalis*, *Poria cocos*, *Alisma orientale*, and *Stevia rebaudiana*, were evaluated for organoleptic characteristics and moisture content before extraction. The herbal materials were decocted three times with water, concentrated, and supplemented with a preservative to produce the syrup. The formulated product was evaluated for organoleptic properties, pH, relative density, qualitative identification, total flavonoid content, residue on evaporation, and microbial limits. The syrup exhibited a relative density of 1.1035, a pH of 4.12, and a total flavonoid content of 0.8202 %, while meeting the quality requirements specified in the Vietnamese Pharmacopoeia V. The product was packaged in 100 mL glass bottles in accordance with current regulations. These findings provided a platform for developing a sugar-free syrup dosage form of *Liu Wei Di Huang Wan* with improved accessibility and broader applications in healthcare.

Keywords Luc vi; *Liu Wei Di Huang Wan*; syrup; formulation; evaluation.